

Số: 303/2025/QĐST-VLĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Chu Thị Vân.

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Tường Vi - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 427/2025/TLST-VLĐ ngày 26 tháng 11 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 266/2025/QĐST-VLĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu:* Bà Đỗ Thị Kim N, sinh năm: 1989; thường trú: Ấp H, xã H, tỉnh An Giang. Có yêu cầu vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Công ty TNHH L; trụ sở: Số B Lô N, đường Đ, KCN S, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

2. Bảo hiểm xã hội cơ sở D; địa chỉ: Đường T, khu T, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Theo đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và lời khai trong quá trình giải quyết bà Đỗ Thị Kim N trình bày:* Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2008 đến tháng 7/2024, bà N làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty K với mã số sổ bảo hiểm xã hội 7908072238. Đến nay, bà N điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội thì phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà bị trùng. Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 3/2009, bà N không tham gia ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L nhưng có người khác đã sử dụng thông tin của bà N để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội với mã số sổ 7408334088. Do đó, bà N bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2008 đến tháng 3/2009. Vì vậy, bà N yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên bố hợp đồng lao động giữa

bà Đỗ Thị Kim N (do người khác ký tên) với Công ty TNHH L (thời gian làm việc từ tháng 12/2008 đến tháng 3/2009) là vô hiệu. Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả gì về việc tuyên bố hợp đồng vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D xác định:
Bà Đỗ Thị Kim N có quá trình tham gia BHXH, bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT) như sau: Từ tháng 12/2008 đến tháng 3/2009 bà Đỗ Thị Kim N làm việc tại Công ty TNHH L và tham gia bảo hiểm xã hội số 7408334088. Từ tháng 01/2008 đến tháng 7/2024 bà Đỗ Thị Kim N làm việc tại Công ty K và tham gia bảo hiểm xã hội số 7908072238.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Người yêu cầu bà Đỗ Thị Kim N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH L vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự là phù hợp. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Đỗ Thị Kim N là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Đỗ Thị Kim N, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội cơ sở D có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Công ty TNHH L vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 3/2009, người lao động có tên Đỗ Thị Kim N làm việc tại Công ty TNHH L và tham gia bảo hiểm xã hội số 7408334088. Tuy nhiên, bà N xác định, trong khoảng thời gian từ tháng 01/2008 đến tháng 07/2024, bà N làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty K với mã số bảo hiểm xã hội 7908072238. Tuy nhiên, bà N xác định trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 3/2009, bà không ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH L và không biết ai đã sử dụng thông tin cá nhân của bà để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH L và tham gia bảo hiểm xã hội mã số 7408334088.

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà N phù hợp với xác nhận của Bảo hiểm xã hội cơ sở D, bởi lẽ trong thời gian từ tháng 01/2008 đến tháng 7/2024, bà Đỗ Thị Kim N, sinh năm 1989 (CCCD số 089189016330) làm việc tại Công ty K và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 7908072238.

Theo khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 2012 và khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động năm 2019, quy định về nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động: “*Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực*”. Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “*Người lao động phải cung cấp thông tin cho*

người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu” và khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “Người lao động phải cung cấp thông tin trung thực cho người sử dụng lao động về họ tên, ngày tháng năm sinh, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, xác nhận tình trạng sức khỏe và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu”. Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: “Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền” và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: “Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này”.

Do đó, có căn cứ xác định chủ thể ký kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH L trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 03/2009 không phải là bà Đỗ Thị Kim N nên toàn bộ nội dung của hợp đồng lao động vi phạm pháp luật và bị vô hiệu.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Kim N về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đỗ Thị Kim N với Công ty TNHH L (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7408334088) bị vô hiệu.

[2.4] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu: “... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, chấp nhận yêu cầu của bà Đỗ Thị Kim N về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH L trong giai đoạn từ tháng 12/2008 đến tháng 03/2009 không phải là bà Đỗ Thị Kim N. Bà Đỗ Thị Kim N có quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7408334088.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16, Thành phố Hồ Chí Minh về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Đỗ Thị Kim N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39, các Điều 146, 149, 361, 366, 367, 370, 371, 372, 401 và 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 17, khoản 2 Điều 19, các Điều 50, 51 và 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

- Căn cứ khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, các Điều 49, 50 và 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Đỗ Thị Kim N.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Đỗ Thị Kim N với Công ty TNHH L (Theo sổ bảo hiểm xã hội số 7408334088) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7408334088 không phải là bà Đỗ Thị Kim N, sinh năm 1989; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số 089189016330. Bà Đỗ Thị Kim N được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7408334088.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Đỗ Thị Kim N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0041256 ngày 24/11/2025 của Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 16, TP.Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16, TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Chu Thị Vân